TAND HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THAÍ NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số:104/2019/HS-ST
Ngày 19/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tâm.

2. Ông Phạm Xuân Khoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 101/2019/TLST - HS ngày 22/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh 18/11/1975.

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm Đ, xã T, Đại Từ, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Nguyễn Văn K (*đã chết*); Con bà: Trần Thị Ty, sinh năm 1953, Trú tại: xóm Đ, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ: Vũ Thương L, sinh năm 1978. Có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Hồ Đức Q**, sinh: 08/10/1985.

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm L, xã V, Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông Hồ Xuân N (*đã chết*); Con bà Vũ Thị D, sinh năm 1955, Trú tại: xóm L, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989. Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

3. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh: 05/7/1991.

Nơi cư trú và chỗ ở: Tổ 1, P. Q, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên. Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm1962; Con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965, đều trú tại: tổ 1, phường Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Vợ: Ngô Thị M P, sinh năm1992. Có 01 con sinh năm 2016. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

4. Họ và tên: **Đặng Thanh T1**, sinh: 10/8/1979.

Nơi cư trú và chỗ ở: Thôn 2, xã N, huyện Đoan H1, Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Đặng Văn C, sinh năm 1965, trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Đoan H1, tỉnh Phú Thọ; Con bà: Bùi Thị H (*đã chết*). Vợ: Trần Thị H sinh năm1985. Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

5. Họ và tên: **Trần Mạnh H1**, sinh 08/08/1994.

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm Đ, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Chí; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Trần Văn V, sinh năm1964; Con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1968, đều trú tại: xóm Đ, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 03. Vợ con: chưa có

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

6. Họ và tên: **Tạ Đức M**, sinh 25/01/1990.

Nơi cư trú và chỗ ở: thôn S, xã K, huyện Ba Vì, Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Tạ Văn H, sinh năm1960 (đã chết); Con bà: Đinh Thị M, sinh năm1959, trú tại: thôn S, xã K, huyện Ba Vì, Hà Nội. Vợ: Lương Thị Q, sinh năm1991. Có 01 con sinh năm 2015. Gia đình có 02 chị em. Bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

7. Họ và tên: **Nguyễn Bá B**, sinh: 07/8/1989.

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm T, xã B, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Nguyễn Bá N, sinh năm1953; Con bà Trịnh Thị N, sinh năm 1955, đều trú lại: xóm T, xã B, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 05 anh chị em. Bị cáo là con thứ tư. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

8. Họ và tên: **Trần Văn H2**, sinh 20/01/1991.

Nơi cư trú và chỗ ở: thôn Bảo Lộc, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Công nhân. Con ông: Trần Văn Q (*đã chết*); Con bà: Đoàn Thị Sơ, sinh năm1950, trú tại: thôn Bảo Lộc, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội. Vợ: Nguyễn Thị Nở, năm1990. Có 03 con: Con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 5. Bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến vẻ vang.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2019 đến ngày 30/7/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

**** Người chứngkiến***:

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 1981 (*Vắng mặt).*

Địa chỉ: Tổ 2, phường g, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1973 (*Vắng mặt).*

Địa chỉ: Tổ 2, X, TX Sơn Tây, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 24/7/2019, Công an huyện Đại Từ nhận được tin báo của lực lượng bảo về Công ty Núi Pháo về việc tại khu vực tập thể công nhân của Công ty cổ phần Thịnh Cường trong khuôn viên Công ty Núi Pháo thuộc xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có một số công nhân đang đánh bạc dưới hình thước xóc đĩa được thua bằng tiền. Nhận được tin báo tổ công tác của Công an huyện Đại từ đã phối hợp với Công an xã Hà Thượng và lực lượng bảo vệ Công ty Núi Pháo kiểm tra khu tập công nhân trên. Tổ công tác đã phát hiện bắt quả tang tại phòng ở số 06 có 08 đối tượng đang đánh bạc với hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, gồm: Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ trên chiếu bạc: số tiền 9.070.000 đồng; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng có viền màu đen; 04 quân vị bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 01 chiếc chăn màu đỏ - đen; 01 chiếc mành kích thước 1,8 x 1m; 01 chiếc kéo bằng kim loại.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H, Hồ Đức Q, Nguyễn Xuân T, Đặng Thanh T1, Trần Mạnh H1, Tạ Đức M, Nguyễn Bá B, Trần Văn H2, khai nhận: do đều là công nhân của Công ty Thịnh Cường đang làm việc trong khuôn viên Công ty

Núi Pháo, khoảng 22 giờ 10 phút ngày 24/7/2019, sau khi tan ca, các đối tượng rủ nhau về phòng số 6 của khu tập thể công nhân để đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. H cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long và lấy bát, đĩa có sẵn ở phòng công vụ để đánh bạc. Q lấy chăn che lên giường tầng để những người ở ngoài không phát hiện. Sau đó các đối tượng ngồi lên giường để đánh bạc. H là người xóc cái và cầm cái. Quy ước đánh chẵn, lẻ; mỗi ván đánh tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa thì tùy người đánh. Các đối tượng chơi liên tục đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Đại Từ phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.070.000 và số vật chứng có liên quan như nêu trên.

Về số tiền dùng để đánh bạc: Các đối tượng khai nhận, H dùng số tiền khoảng 1.450.000 đồng; M dùng số tiền khoảng 900.000 đồng; H2 dùng số tiền khoảng 1.220.000 đồng; H1 dùng số tiền khoảng 950.000 đồng; B dùng số tiền khoảng 850.000 đồng; T1 dùng số tiền khoảng 1.050.000 đồng; T dùng số tiền khoảng 1.250.000 đồng và Q dùng số tiền khoảng 1.400.000 đồng. Các đối tượng đều xác định số tiền 9.070.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang là tiền của các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc.

Về hình thức đánh bạc là chơi xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền, các đối tượng quy ước như sau: Người cầm cái và xóc cái úp bát lên trên đĩa bên trong có 04 quân cái (*quân vị*) và xóc nhiều lần rồi để xuống chiếu để những người cùng chơi đặt tiền cược. Quy ước bên phải của người cầm cái là cửa chẵn, bên trái của người cầm cái là cửa lẻ. Sau khi những người chơi đặt cược xong, người cầm cái mở chiếc bát sứ ra nếu có 04 hoặc 02 quân vị có màu giống nhau ngửa lên là "Chẵn" thì những người đặt tiền ở cửa chẵn thắng bạc, người cầm cái sẽ thu tiền của người đặt tiền ở cửa lẻ trả cho người đặt cược ở cửa chẵn số tiền bằng với số tiền đã đặt cược, sô tiền chênh lệch giữa 02 cửa thì người cầm cái phải bỏ ra thêm hoặc được thu về tùy từng ván. Nếu có 01 hoặc 03 quân vị có màu giống nhau ngửa lên thì là "Lẻ" những người đặt tiền ở cửa lẻ thắng bạc thì người cầm cái sẽ làm tương tự như về "Chẵn".

Như vậy tổng số tiền Nguyễn Văn H, Hồ Đức Q, Nguyễn Xuân T, Đặng Thanh T1, Trần Mạnh H1, Tạ Đức M, Nguyễn Bá B, Trần Văn H2 dùng để đánh bạc là 9.070.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKSĐT ngày 20/10/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q phạm tội *"Đánh bạc"*.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX.

+ *Áp dụng*: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo H2) của BLHS. Xử phạt: các bị cáo Nguyễn Văn H, Tạ Đức M mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Xử phạt: các bị cáo Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q, mỗi bị cáo mức án từ đến 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; bị cáo Trần Văn H2 mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ *Áp dụng*: khoản 3 Điều 321 BLHS, phạt bổ sung 7/8 bị cáo (*trừ bị cáo H2*), mỗi bị cáo từ 10 đến 20 triệu đồng sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đều nói lời sau cùng: mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt chính và hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Bị cáo H, M xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2}. Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q đều khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như bản kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hồi 23 giờ 10 phút ngày 24/7/2019, tại phòng số 6, khu tập thể lán trại của Công ty Thịnh Cường trong khuôn viên Công ty Núi Pháo thuộc xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi "Xóc đĩa" thì bị tổ công tác của Công an huyện Đại từ phối hợp với Công an xã Hà Thượng và lực lượng bảo vệ Công ty Núi Pháo phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.070.000 đồng cùng các vật chứng có liên quan.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 321 Bộ luật hình sự.*"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

{3}. Xét tính chất vụ án; hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo:

Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã làm mất an ninh trật tự công cộng tại địa phương; gây ảnh hưởng xấu đến việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Trong vụ án này các bị cáo đều có vai trò đánh bạc như nhau; trong đó, bị cáo Nguyễn Văn H là người có các

hành vi: chuẩn bị công cụ, trực tiếp xóc cái nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; các bị cáo còn lại đều có vai trò đồng phạm về hành vi đánh bạc.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo ... quy định tại các điểm i,s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Trần Văn H2 có bố đẻ là người có công được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân của các bị cáo: các bị cáo có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự; đều được gia đình nuôi ăn học; là những người lao động thuần túy; có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, hiểu rõ được các việc làm đúng, sai của bản thân nhưng do ham chơi nên đã cố tình thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

{4}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo ... HĐXX thấy, cần thiết phải có mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo để dăn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều là những người công nhân lao động thuần túy, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do nhất thời ham chơi đã đi vào con đường phạm tội. Vì vây, khi lượng hình cần đánh giá tổng hợp để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, xét thấy cần thiết phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung công quỹ nhà nước.

{5}.Về vật chứng vụ án:

Số tiền 9.070.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần được tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng có viền màu đen; 04 quân vị bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 01 chiếc chăn màu đỏ - đen; 01 chiếc mành kích thước 1,8 x 1m; 01 chiếc kéo bằng kim loại. Đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để đánh bạc, đều không còn giá trị sử dụng, cần được tịch thu và tiêu hủy.

{6}. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí HSST sung công quỹ nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Trần Văn H2) Điều 51 BLHS.

Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q** phạm tội "*Đánh bạc*"

Xử phạt:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn H 12** (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo **Tạ Đức M 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo **Trần Văn H2 06** (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bị cáo **Nguyễn Bá B 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Bị cáo **Trần Mạnh H1 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Bị cáo **Đặng Thanh T1 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Bị cáo **Nguyễn Xuân T 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

8. Bị cáo **Hồ Đức Q 09** (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo có hộ khẩu thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

*** Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS. Phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q, mỗi bị cáo 10.000.000đ (*mười*) triệu đồng sung Ngân sách Nhà nước.

* **Vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 9.070.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 bát sứ màu trắng có viền màu đen; 04 quân vị bằng giấy một mặt màu vàng, một mặt màu trắng; 01 chiếc chăn màu đỏ - đen; 01 chiếc mành kích thước 1,8 x 1m; 01 chiếc kéo bằng kim loại. Đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để đánh bạc đều không còn giá trị sử dụng cần được tịch thu và tiêu hủy.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 86/QĐ - VKS ngày 20/10/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Tạ Đức M, Trần Văn H2, Nguyễn Bá B, Trần Mạnh H1, Đặng Thanh T1, Nguyễn Xuân T và Hồ Đức Q - mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã T, Vĩnh Thịnh, Nghinh Xuyên, Yên Ninh, Khánh Thượng, B Thành, xã Võng Xuyên, Phường Quan Triều;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên